TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-2-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo

Bà Trương Thị Dung

-*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 13 tháng 2 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 1 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đội 9 xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị M - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đội 14 xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh T. Chị M có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Lương Thị M vào ngày 23/09/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc có 02 con chung. Tuy nhiên đến ngày 06/10/2016 chị M bỏ đi để lại cho anh nuôi hai con, anh cũng đã tìm gọi chị M về để hòa giải đoàn tụ nhưng không được, cuộc sống ngày càng trở nên bế tắc. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị M nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn thị Hoài T1, sinh ngày 14/01/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/3/2013. Hiện các cháu đang ở

với bố, vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung..

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 01/2/2018 chị Lương Thị M trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2008, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm, anh T không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Chị tự nhận thấy hai người không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống cuộc sống vợ chồng cùng nhau được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài T1, sinh ngày 14/01/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/3/2013. Hiện các cháu đang ở với bố, chị M có nguyện vọng xin nuôi cháu Nguyễn Thị Hoài T1, giao anh T nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc L.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị và anh T không có gì liên quan, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc, sức khỏe nên chị không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T được nên chị xin giải quyết vắng mặt.

Do chị M có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa: Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ chị Lương Thị M đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị M vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị M được xác lập vào ngày 23/09/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc

đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2016 đến nay. Nay cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị M có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài T1, sinh ngày 14/01/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/3/2013. Anh T, chị M đều có nguyện vọng nuôi con chung, xét nguyện vọng của anh chị và của con chung, cũng như đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho chị M trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hoài T1 và giao cho anh T nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc L. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Không ai được cản trở quyền đi lại chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T, chị M không đề nghị Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị M.

2. Về con chung: Giao cho chị M trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hoài T1 sinh ngày 14/01/2009, và giao cho anh T nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/3/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Không ai được cản trở quyền đi lại chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Anh T và chị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Nguyễn Văn T phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/08458, ngày 22/1/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh T được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu: HS, VP.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
	Vũ Tiến Mãn